

Số: 129/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 02 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2026/TLST-HNGĐ **ngày 02 tháng 6 năm 2026** về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Tẩn Thị N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, tỉnh Lai Châu.

Nơi tạm trú: Bản R, xã T1, tỉnh Lai Châu.

- Anh Lù A Đ; sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, tỉnh Lai Châu.

Nơi tạm trú: H, phường N, tỉnh Bắc Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 24 tháng 6 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Lù A Đ và chị Tẩn Thị N trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lù A Đ và chị Tẩn Thị N là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số **12/2018 ngày 02/5/2018 của** UBND xã Bản Giang, huyện Tam Đường nay là UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn chị N và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm. Hiện tại chị N và anh Đ không còn tình cảm với nhau nữa, đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Chị N và anh Đ đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N có 02 con chung là Lù Thị H, sinh ngày 07/10/2016 và Lù Thị Tường V, sinh ngày 09/11/2021. Chị N và anh Đ thỏa thuận như sau: Chị Tần Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lù Thị Tường V đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lù A Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lù Thị H đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Đ, chị N thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N thỏa thuận chị N là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Tần Thị N đã nộp lệ phí theo quy định.

[2] Xét thấy các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lù A Đ và chị Tần Thị N.

- Về việc nuôi con: Chị Tần Thị N và anh Lù A Đ thỏa thuận như sau: Chị Tần Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lù Thị Tường V, sinh ngày 09/11/2021 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lù A Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lù Thị H sinh ngày 07/10/2016 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Đ, chị N thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N mỗi người phải nộp 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh Lù A Đ và chị Tần Thị N thỏa thuận: Chị Tần Thị N sẽ là người nộp toàn bộ số tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự tổng là 300.000 đồng. Xác nhận chị Tần Thị N đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm

ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000262 ngày 01/6/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Nay số tiền đã nộp được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- **UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu;**
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THA dân sự khu vực 1 - Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Tuyết